

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/NQ-HĐND

*Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2019*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét nội dung Tờ trình số 648/TTr-HĐND, ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo nghị quyết về kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2020 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2020, với tổng mức kinh phí là: 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ, năm trăm triệu đồng). (Kèm theo dự toán chi tiết).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả dự toán được giao. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**PHỤ LỤC**

**Dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: đồng

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Dự toán năm 2020</b>
1	Hoạt động phí cho đại biểu HĐND tỉnh	434.700.000
2	Tiền công đại biểu không hưởng lương tham gia kỳ họp	900.000
3	Phụ cấp kiêm nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ đại biểu, phụ cấp làm thêm giờ	117.900.000
4	Khai thác thông tin, báo chí	294.300.000
5	Hoạt động tiếp xúc cử tri, tham gia khảo sát, giám sát, chi tiếp công dân của đại biểu HĐND tỉnh	1.120.500.000
6	Công tác phí, thuê phương tiện công tác	247.500.000
7	Nhuận bút trang thông tin điện tử HĐND tỉnh	162.000.000
8	Truyền hình trực tiếp kỳ họp HĐND tỉnh, chuyên mục cử tri chính quyền	626.400.000
9	Kinh phí phục vụ các kỳ họp của HĐND tỉnh; phiên họp; hội nghị do Thường trực HĐND tỉnh chủ trì hoặc được mời tham dự	1.048.500.000
10	Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị, sửa chữa phương tiện phục vụ hoạt động đại biểu HĐND tỉnh	395.100.000
11	Nhiên liệu phục vụ hoạt động HĐND tỉnh	648.000.000
12	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử	90.000.000
13	Hội nghị tập huấn đại biểu Hội đồng nhân dân	117.900.000
14	Bảo trì và sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	90.000.000
15	Chi phí khác (cước đường bộ, phí và lệ phí, quà tặng các đoàn đến và đoàn đi học tập trao đổi kinh nghiệm, tiếp khách, thăm hỏi gia đình chính sách, thăm bệnh...)	1.106.300.000
	<b>Cộng</b>	<b>6.500.000.000</b>

Số tiền bằng chữ: Sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**